TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 373 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/11/2018
"V/v tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn Thi;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử công khai vụ án thụ lý số: 280/2018/TLST –HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về việc " *Tranh chấp Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 505/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Bé S,** sinh năm 1989
Địa chỉ: Số nhà 958, ấp Vạt Lài, xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà **Bùi Thị Ngọc M**, sinh năm 1991
Địa chỉ: Tổ 5, ấp Sa Tô, xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng ông S trình bày: Hôn nhân giữa ông và bà M do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình vào ngày 24/4/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng lên Bình Dương sinh sống, làm thuê. Quá trình chung sống giữa hai người thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bà M nghe lời mẹ, không chịu tiếp thu ý kiến của ông S, không cho

ông S về thăm cha mẹ ruột nên xảy ra mâu thuẫn. Đến đầu tháng 4/2017 thì cả hai không còn chung sống và không liên lạc với nhau cho đến nay. Nay ông S xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ K sinh ngày 26/8/2015 đang sống với bà M, khi ly hôn ông S đồng ý giao con cho bà M nuôi dưỡng, xin không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà M không có văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông S.

Để xác định nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân của ông S, bà M Tòa án đã thực hiện thủ tục xác minh đối với bà Bùi Thị T, mẹ ruột ông S và được bà T cho biết mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân của vợ chồng ông S xảy ra khi cả hai người sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh, hiện hai người không còn sống chung từ tháng 4/2017 AL đến nay và không còn liên lạc với nhau. Kết quả xác minh tại ban ấp Sa Tô thể hiện bà M vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, sau đám cưới vợ chồng bà M lên thành phố sinh sống nên việc xảy ra mâu thuẫn địa phương không biết.

Tòa án đã tổ chức phiên họp công khai chứng cứ cũng như hòa giải để động viên ông bà chung sống lại nhưng do bà M vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, ông S có đơn xin vắng mặt, trình bày trong đơn là vẫn bảo lưu các ý kiến đã trình bày trong quá trình hòa giải cũng như trong đơn khởi kiện, bà M vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã tuân theo pháp luật, không có vi phạm; tại phiên tòa Hội đồng xét xử (ghi tắt là HĐXX) không thuộc trường hợp phải thay đổi, Thẩm phán đã công bố các lời khai của đương sự vắng mặt; ông S có đơn xin xét xử vắng mặt riêng bà M vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã triệu tập hợp lệ và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông S nên xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà.

Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà M, ông S có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng nên ông S có đơn xin ly hôn và căn cứ vào các chứng cứ do Tòa án thu thập được về tình trạng hôn nhân của ông bà thì mâu thuẫn là trầm trọng, do vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông S. Về con chung đề nghị HĐXX giao cho bà M nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng và phân chia tài sản chung, nợ chung do ông S không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông S có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú giải quyết về việc hôn nhân, nuôi con chung với bà M, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông S có đơn xin xét xử vắng mặt, bà M vắng mặt không có lý do mặc dù đã triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Năm 2015, bà M và ông S tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của ông bà phát sinh giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện trong thời gian chung sống giữa bà M, ông S thường xảy ra mâu thuẫn, hiện cả hai đã không còn chung sống và không liên lạc với nhau. Bà M không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông S, không tham gia các phiên hòa giải nên xem như đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của ông, bà là trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên cần cho ông S, bà M được ly hôn.

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng:

Ông S khai ông bà có 01 con chung là Nguyễn Thị Mỹ K sinh ngày 26/8/2015 hiện đang sống với bà M. Ly hôn ông S đồng ý giao con cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Cháu Kim hiện đang sống với bà M, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu về thể chất lẫn tinh thần, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Kim cho bà M nuôi dưỡng. Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, bà M và người thân không được cản trở việc thăm con chung. Vì sự phát triển của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cơ quan, tổ chức khác Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp

nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do ông S, bà M không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Trường hợp sau này ông, bà có yêu cầu chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Ông Nguyễn Văn Bé S và bà Bùi Thị Ngọc M được ly hôn.

Về con chung: Bà M được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mỹ K sinh ngày 26/8/2015 hiện đang sống với bà M. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Không ai được cản trở việc thăm con của ông.

Vì sự phát triển của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cơ quan, tổ chức khác Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Án phí: Ông S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, tuy nhiên được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009232 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh AG;
- VKS H. An Phú;
- THA H. An Phú;
- UBND xã Phú Hữu - H. An Phú;
- Các đương sự;.
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo